

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 18 /HĐKT/MNLP-TP

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 09 năm 2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số 14 /QĐ-TrMN ngày 03 /09/2026 của Trường Mầm Non Lân Phong về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Mua thực phẩm, nguyên liệu đầu vào để thực hiện việc cung cấp bữa ăn học đường cho học sinh bán trú năm học 2026-2027.

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-TrMN ngày 07/09/2026 của Trường Mầm Non Lân Phong về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua thực phẩm, nguyên liệu đầu vào để thực hiện việc cung cấp bữa ăn học đường cho học sinh bán trú năm học 2026-2027.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: TRƯỜNG MẦM NON LÂN PHONG

Địa chỉ : Thôn Lâm Hạ, xã Lân Phong , tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mã số thuế : 4300932667

Điện thoại :

Đại diện : Bà PHAN THỊ NÔNG Chức vụ: Hiệu trưởng

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu : HỘ KINH DOANH THỰC PHẨM THIÊN PHÁT

Địa chỉ : Tổ 4, Khu dân cư Trần Khánh Dư, Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mã số thuế : 4300900841

Điện thoại : 0916 277 603



Tài khoản: 110603179779 Tại: Ngân hàng Viettinbank - PGD LE TRUNG DINH

Đại diện : Bà LÊ THỊ BÍCH HẠNH Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng (Phụ lục chi tiết danh sách hàng hóa);
2. Biên bản thương thảo hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3 : Thời gian, địa điểm giao nhận thực phẩm:

1. Thời gian giao nhận: Bên B giao cho bên A 01 lần vào buổi sáng trước 7h30, ngày thứ 2,3,4,5,6, và 7 (nếu có)

Thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng, từ ngày 07 tháng 09 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2027

2. Địa điểm giao nhận: Trường Mầm Non Lân Phong, địa chỉ điểm chính: Thôn Lâm Hạ, xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và tại phân hiệu Đức Lân, địa chỉ : Thôn Thạch Trụ Tây, xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi.

Hàng ngày có đại diện Ban giám hiệu, người mua hàng hoặc thủ kho sẽ trực tiếp nhận thực phẩm.

Điều 4 : Loại hợp đồng, giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

2. Giá hợp đồng: 2.169.750.000 đồng. (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Giá trên bao gồm thuế, chi phí vận chuyển tới địa điểm theo yêu cầu của Trường Mầm Non Lân Phong.

3. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán:

Sau khi nghiệm thu hàng hóa và đối chiếu, xác nhận số lượng hàng hóa, đối chiếu công nợ. Bên A sẽ xuất hóa đơn cho Bên B theo công nợ đã được hai bên đối chiếu và xác nhận trước ngày 06 của tháng tiếp theo.

Bên A sẽ thanh toán tiền mua sắm hàng hóa cho Bên B 1 lần/tháng. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản giao nhận và nghiệm thu hàng hóa
- Hóa đơn GTGT

Bên A thanh toán cho bên B sau khi nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán nêu trên

HỢP
P
ST
BẢN

Điều 5. Phương thức đặt hàng, giao nhận, vận chuyển

- Khi đăng ký đặt hàng bên A ghi rõ về chủng loại và số lượng cần mua (theo mẫu chung do 2 bên thống nhất) ;
- Bên A đặt hàng cho bên B thông qua các hình thức (liên hệ trực tiếp qua số điện thoại) hoặc qua Zalo;
- Thời gian đặt hàng: Bên A đặt hàng:
 - + Trước 18h ngày hôm trước ;
 - + Điều chỉnh tăng, giảm số lượng sẽ báo lại chốt số lượng trước 23h ngày hôm trước.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp và giao hàng thực phẩm đủ chủng loại, số lượng cho bên A theo thời gian và địa điểm theo yêu cầu của Bên A, hàng ngày có đại diện của Bên A sẽ trực tiếp nhận thực phẩm ;
- Khi có vấn đề khiếu nại nào về việc giao nhận thực phẩm, thiếu hàng, không đúng thời gian, địa điểm theo quy định, hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại bên A đặt, thái độ của người giao hàng không đúng chuẩn mực, thì bên A liên hệ với bên B để cùng nhau giải quyết.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên A

- Được cung cấp các thông tin trung thực về ATTP, hướng dẫn sử dụng do bên B cung cấp;
- Tuân thủ đầy đủ các quy định hướng dẫn về ATTP của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và bảo quản, sử dụng thực phẩm khi được bên B giao ;
- Bên A có trách nhiệm thanh toán đúng thời gian, đúng giá trị hợp đồng cho bên B theo quy định của hợp đồng này.

Điều 7 : Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Bên B cung cấp thực phẩm phải tuân thủ các điều kiện về vệ sinh ATTP, chất lượng như phụ lục đính kèm của hợp đồng này. Đảm bảo giá cả đúng như giá của hợp đồng và khi có đơn giá điều chỉnh (nếu có); thời gian giao hàng đúng theo quy định tại hợp đồng này ;
- Đảm bảo tính hợp pháp của hàng hóa theo đúng quy định. Nếu hàng hóa không đạt tiêu chuẩn bên A có quyền trả lại và bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường các chi phí liên quan do việc giao hàng hóa không đạt tiêu chuẩn gây nên.
- Bên B cam kết sẽ chịu trách nhiệm (nếu lỗi thuộc về bên B) khi có phát sinh về vệ sinh an toàn thực phẩm nếu Bên A mua hoàn toàn 100% số lượng thực phẩm theo thực đơn hằng ngày của trường;
- Cam kết thực hiện đúng các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật và khu vực.

Điều 8: Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:

- Hai bên có thỏa thuận về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng. Việc chấm dứt hợp

KIP
3A
05
1029

đồng giữa hai bên phải được thông báo trước bằng văn bản. Nội dung thông báo phải nêu rõ lý do chấm dứt và thời gian chấm dứt hợp đồng. Việc chấm dứt hợp đồng quy định trong điều này không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các bên đã phát sinh trước khi chấm dứt hợp đồng;

- Hợp đồng không thể thực hiện do có vi phạm pháp luật;
- Hợp đồng không thể thực hiện do nhà nước cấm thực hiện;
- Một bên có hành vi vi phạm nghĩa vụ được ghi nhận trong Hợp đồng này và bên bị vi phạm có yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Án phí do bên có lỗi chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 10: Hiệu lực Hợp đồng

Hợp đồng này bằng tiếng Việt, bao gồm 04 trang 10 điều, được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau để làm căn cứ thực hiện;

Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng nếu có phải được lập thành phụ lục có chữ ký xác nhận của hai bên (Phụ lục hợp đồng có giá trị thực hiện như hợp đồng);

Hợp đồng này có giá trị thực hiện hiện từ ngày 07 tháng 09 năm 2026 đến ngày 31 tháng 8 năm 2027;

Hợp đồng tự thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng và hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN B
HỘ KINH DOANH THỰC PHẨM THIÊN
PHÁT



Lê Thị Bích Hạnh

ĐẠI DIỆN BÊN A
TRƯỜNG MẦM NON LÂN PHONG



Phan Thị Nồng

PHỤ LỤC CHI TIẾT DANH SÁCH HÀNG HOÁ

(Kèm theo hợp đồng số:18 /HĐKT/MNLP-TP ngày 07 tháng 09 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Ký hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
01	Cá Cờ (gòn) Cắt Lát	Không có	Cá Cờ (gòn) Cắt Lát	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	200,00	170.000	34.000.000
02	Cá thu cắt lát	Không có	Cá thu cắt lát	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	500,00	230.000	115.000.000
03	Cá xay	Không có	Cá xay	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	230,00	160.000	36.800.000
04	Tôm thẻ (70-80 con)	Không có	Tôm thẻ (70-80 con)	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	306,00	205.000	62.730.000
05	Lươn bỏ ruột	Không có	Lươn bỏ ruột	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	650,00	220.000	143.000.000
06	Trứng Cút	Không có	Trứng Cút	2026	Việt Nam	Thực phẩm	quả	15.360,00	900	13.824.000
07	Trứng Gà Ta (Kg)	Không có	Trứng Gà Ta (Kg)	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	30,00	129.000	3.870.000
08	Trứng Gà Ta	Không có	Trứng Gà Ta	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Quả	4.000,00	5.000	20.000.000
09	Trứng Vịt	Không có	Trứng Vịt	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Quả	4.000,00	5.000	20.000.000
10	Trứng Vịt (Kg)	Không có	Trứng Vịt (Kg)	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	180,00	76.000	13.680.000
11	Thịt Heo Vai	Không có	Thịt Heo Vai	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	2.940,00	135.000	396.900.000
12	Mỡ heo	Không có	Mỡ heo	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	350,00	65.000	22.750.000
13	Thịt bò đùi	Không có	Thịt bò đùi	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	880,00	245.000	215.600.000

14	Thịt gà thả vườn làm sạch	Không có	Thịt gà thả vườn làm sạch	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	1.060,00	135.000	143.100.000
15	Thịt Vịt	Không có	Thịt Vịt	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	740,00	115.000	85.100.000
16	Bắp Mỹ	Không có	Bắp Mỹ	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Trái	380,00	12.000	4.560.000
17	Bắp Nếp nguyên trái bỏ vỏ	Không có	Bắp Nếp nguyên trái bỏ vỏ	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	30,00	34.000	1.020.000
18	Bí Đao	Không có	Bí Đao	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	500,00	24.000	12.000.000
19	Bí đỏ	Không có	Bí đỏ	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	400,00	23.000	9.200.000
20	Bí đỏ hồ lô	Không có	Bí đỏ hồ lô	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	350,00	24.000	8.400.000
21	Cà Chua	Không có	Cà Chua	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	1.080,00	29.000	31.320.000
22	Cải Ngọt	Không có	Cải Ngọt	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	480,00	20.000	9.600.000
23	Củ Cải trắng	Không có	Củ Cải trắng	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	240,00	19.000	4.560.000
24	Củ Cà rốt Đà Lạt	Không có	Củ Cà rốt Đà Lạt	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	1.000,00	29.000	29.000.000
25	Củ Khoai Tây	Không có	Củ Khoai Tây	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	1.000,00	25.000	25.000.000
26	Nghệ Tươi	Không có	Nghệ Tươi	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	20,00	38.000	760.000
27	Giá	Không có	Giá	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	400,00	14.000	5.600.000
28	Hành Lá + ngò	Không có	Hành Lá + ngò	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	40,00	40.000	1.600.000
29	Hẹ	Không có	Hẹ	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	300,00	48.000	14.400.000
30	Mồng Tơi	Không có	Mồng Tơi	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	420,00	22.000	9.240.000

11 12 13

31	Muróp	Không có	Muróp	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	420,00	20.000	8.400.000
32	Nấm Rơm	Không có	Nấm Rơm	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	209,90	180.000	37.782.000
33	Rau dền	Không có	Rau dền	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	300,00	34.000	10.200.000
34	Ngò tàu	Không có	Ngò tàu	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	10,00	38.000	380.000
35	Thơm (dứa) (bỏ vỏ)	Không có	Thơm (dứa) (bỏ vỏ)	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	170,00	34.000	5.780.000
36	Chuối lùn (Chuối xanh)	Không có	Chuối lùn (Chuối xanh)	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	500,00	21.000	10.500.000
37	Cam Sành	Không có	Cam Sành	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	900,00	33.000	29.700.000
38	Đậu Khuôn	Không có	Đậu Khuôn	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	400,00	38.000	15.200.000
39	Bún Tươi	Không có	Bún Tươi	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	2.510,00	16.000	40.160.000
40	Bánh Plan caramen 32g	Không có	Bánh Plan caramen 32g	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Hộp	25.200,00	4.400	110.880.000
41	Sữa đặc Nutimilk 380gr hộp giấy	Không có	Sữa đặc Nutimilk 380gr hộp giấy	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Hộp	356,00	20.000	7.120.000
42	SCA Nuvi có đường hợp 70gx48	Không có	SCA Nuvi có đường hợp 70gx48	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Hộp	25.200,00	4.800	120.960.000
43	Bột Canh A One 200gr	Không có	Bột Canh A One 200gr	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Gói	600,00	5.000	3.000.000
44	Bột năng	Không có	Bột năng	2026	Việt Nam	Thực phẩm	bịch	300,00	22.000	6.600.000
45	Hạt nêm Ajingon heo - 900gr	Không có	Hạt nêm Ajingon heo - 900gr	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Gói	70,00	72.000	5.040.000
46	Dầu Ăn Tường An Đậu nành 1 lít	Không có	Dầu Ăn Tường An Đậu nành 1 lít	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Chai	36,00	67.000	2.412.000

PH 737

47	Dầu Ăn Tường An Đậu nành 5 lít	Không có	Dầu Ăn Tường An Đậu nành 5 lít	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Can	120,00	328.000	39.360.000
48	Đường Trắng Đường An Khê	Không có	Đường Trắng Đường An Khê	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	240,00	28.000	6.720.000
49	Hành Lao (Hành khô)	Không có	Hành Lao (Hành khô)	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	60,00	57.000	3.420.000
50	Tỏi lý sơn	Không có	Tỏi lý sơn	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	24,00	155.000	3.720.000
51	Mắm Nam Ngư 750ml	Không có	Mắm Nam Ngư 750ml	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Chai	168,00	56.000	9.408.000
52	Đậu Xanh hạt	Không có	Đậu Xanh hạt	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	144,00	57.000	8.208.000
53	Đậu Xanh bóc vỏ	Không có	Đậu Xanh bóc vỏ	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	144,00	57.000	8.208.000
54	Đậu Xanh Cà có vỏ	Không có	Đậu Xanh Cà có vỏ	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	144,00	57.000	8.208.000
55	Nui Tấn Phát trắng ngắn (Kg)	Không có	Nui Tấn Phát trắng ngắn (Kg)	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	60,00	40.000	2.400.000
56	Nui Meizan vàng ngắn 200gr	Không có	Nui Meizan vàng ngắn 200gr	2026	Việt Nam	Thực phẩm	Gói	60,00	16.000	960.000
57	Nui Sabaco vàng ngắn 500gr	Không có	Nui Sabaco vàng ngắn 500gr	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	60,00	35.000	2.100.000
58	Nui Meizan vàng ngắn 200gr	Không có	Nui Meizan vàng ngắn 200gr	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	60,00	16.000	960.000
59	Miến dong Hưng Thịnh	Không có	Miến dong Hưng Thịnh	2026	Việt Nam	Thực phẩm	gói	50,00	39.000	1.950.000
60	Gạo mùa	Không có	Gạo mùa	2026	Việt Nam	Thực phẩm	kg	9.300,00	18.000	167.400.000
	Tổng cộng									2.169.750.000

12/1